

Công ty CP LONG HẬU

Ấp 3, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ 2 NĂM 2010

(CHƯA CÓ BÁO CÁO SOÁT XÉT CỦA CÔNG TY KIỂM TOÁN)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước	Lũy kế đến kỳ báo cáo
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18.1	71,756,968,905	38,367,324,619	96,209,606,473
2. Các khoản giảm trừ	02		-		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		71,756,968,905	38,367,324,619	96,209,606,473
4. Giá vốn hàng bán	11		22,002,253,531	10,165,674,534	31,609,126,776
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		49,754,715,374	28,201,650,085	64,600,479,697
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18.2	8,051,838,401	3,673,703,382	9,102,278,718
7. Chi phí tài chính	22	19	7,472,067,557	309,337,320	8,396,938,230
Trong đó: chi phí lãi vay			7,289,566,010	47,220,017	7,603,495,312
8. Chi phí bán hàng	24		1,960,362,944	984,236,019	3,752,184,685
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7,712,424,016	5,596,281,757	13,593,059,726
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		40,661,699,258	24,985,498,371	47,960,575,774
11. Thu nhập khác	31		110,058,810	172,903,595	649,281,341
12. Chi phí khác	32		-	6	
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		110,058,810	172,903,589	649,281,341
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		40,771,758,068	25,158,401,960	48,609,857,115
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-		
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	20	10,192,939,517	5,078,118,835	12,152,464,299
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		30,578,818,551	20,080,283,125	36,457,392,836

Người lập biểu

Vũ Kim Nhung

Kế toán trưởng

Nguyễn Công Hiệp



Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Tổng Giám đốc

Đoàn Hồng Dũng